

Thép Nam Kim (NKG)

Cập nhật hoạt động kinh doanh tháng 11

Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) đã công bố một số tiêu đề đáng chú ý về doanh số tháng 11 của công ty. Dưới đây là một số vấn đề chính đáng lưu ý.

Nhu cầu nội địa bị chững lại

- Tổng sản lượng tiêu thụ thép tháng 11 đạt 101,573 tấn, tăng 58.4% n/n nhưng giảm 6.3% t/t.
- Sản lượng tiêu thụ tôn mạ vẫn chiếm phần lớn trong tổng tiêu thụ tháng 11 (90%) đạt 91,551 tấn, +113.7% n/n nhưng giảm 3.1% t/t.
- Sản lượng tôn mạ xuất khẩu (78,035 tấn) tăng 6.1% t/t và 133.4% n/n.
- Thị trường nội địa gây thất vọng với tổng tiêu thụ 23,538 tấn trong tháng 11: sản lượng tiêu thụ tôn mạ trong nước đạt 13,516 tấn (-35.6% t/t và -37.8% n/n) và sản lượng ống thép đạt 10,022 tấn (-28.1% t/t và -52.9% n/n).

Xuất khẩu là động lực tăng trưởng cho 11 tháng 2021

- Sự hồi phục nhu cầu trong nước bị chững lại trong tháng 11.
- Sản lượng tiêu thụ trong 11 tháng ở mức 1,007,639 tấn, tăng 58.6% n/n nhờ vào sự tăng trưởng của các sản phẩm tôn mạ 68.4% n/n lên 863,906 tấn và ống thép 17.3% n/n lên 143,733 tấn.
- Tổng sản lượng xuất khẩu (chiếm 66.3% tỷ trọng, ở mức 668,595 tấn) tăng 149% so với cùng kỳ năm ngoái và tổng sản lượng nội địa (339,044 tấn) sụt giảm 7.6% so với cùng kỳ năm ngoái trong bối cảnh công ty tập trung mở rộng thị trường xuất khẩu

	2017	2018	2019	2020	9T21
Doanh thu (tỷ đồng)	12,619	14,811	12,176	11,559	19,393
Tăng trưởng (% n/n)	41.2	17.4	(17.8)	(5.1)	-
LN hoạt động (tỷ đồng)	1,024	390	62	509	2,228
LN ròng (tỷ đồng)	707	57	47	295	1,773
EPS (đồng)	5,279	315	251	1,574	9,140*
Tăng trưởng (% n/n)	(30.5)	(94.9)	(28.4)	543.1	-
EBITDA (tỷ đồng)	1,344	811	504	885	2,512
PE (x)	5.9	21.9	26.8	8.9	5.4*
EV/EBITDA (x)	7.8	6.3	6.9	5.6	5.2*
PB (x)	1.6	0.4	0.4	0.8	2*
ROE (%)	31.3	1.9	1.5	9.5	46.6*
Suất sinh lợi cổ tức (%)	2.5	0	0	1.9	0

Ghi chú: LN ròng, EPS and ROE dựa trên lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ. (*) Dữ liệu TTM

Khuyến nghị **Không xếp hạng**

Giá mục tiêu **N.a**

Lợi nhuận **N.a**

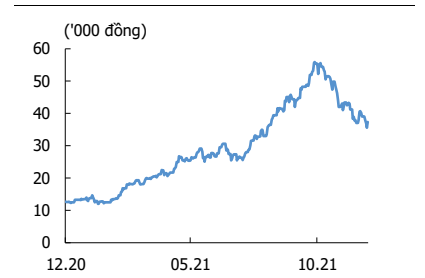
Thông kê

VNIndex (24/12, điểm)	1,477
Giá cp (24/12, đồng)	37,350
Vốn hóa (tỷ đồng)	8,157
SLCP lưu hành (triệu)	218
Cao/ Thấp 52 tuần (đồng)	55,900/12,042
GTGDTB 6T (tỷ đồng)	315
Tỷ lệ CP tự do / Sở hữu NN (%)	66.1/8.6
Cổ đông lớn (%)	
Hồ Minh Quang	15.4
Võ Hoàng Vũ	12.5

Biến động giá cổ phiếu

	1T	6T	12T
Tuyệt đối (%)	(8.9)	39.8	194.9
Tương đối với VNI (%p)	(8.3)	32.0	154.7

Xu hướng giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Hải Nguyễn

hai.nt@kisvn.vn

Bảng 1. Tăng trưởng doanh số

(Tấn)

	Tháng				Lũy kế		
	11/2020	11/2021	t/t (%)	n/n (%)	11T20	11T21	n/n (%)
Ông Thép	21,264	10,022	(28.1)	(52.9)	122,502	143,733	17.3
Xuất khẩu	-	-	-	-	148	244	64.9
Nội địa	21,264	10,022	(28.1)	(52.9)	122,354	143,489	17.3
Tôn mạ	42,846	91,551	(3.1)	113.7	512,973	863,906	68.4
Xuất khẩu	21,111	78,035	6.1	269.6	268,369	668,351	149.0
Nội địa	21,735	13,516	(35.6)	(37.8)	244,604	195,555	(20.1)
Tổng doanh số	64,110	101,573	(6.3)	58.4	635,475	1,007,639	58.6
Xuất khẩu	21,111	78,035	6.1	269.6	268,517	668,595	149.0
Nội địa	42,999	23,538	(32.6)	(45.3)	366,958	339,044	(7.6)

Nguồn: Dữ liệu công ty, VSA, KIS

Bảng 2. Tăng trưởng sản xuất

(Tấn)

	Tháng				Lũy kế		
	11/2020	11/2021	t/t (%)	n/n (%)	11T20	11T21	n/n (%)
Ông Thép							
Sản xuất	23,050	12,692	(27.4)	(44.9)	124,800	141,962	13.8
Tồn kho	9,398	N/a	N/a	N/a			
Tôn mạ							
Sản xuất	45,169	108,196	22.0	139.5	542,039	952,016	75.6
Tồn kho	24,456	N/a	N/a	N/a			

Nguồn: Dữ liệu công ty, VSA, KIS

Tổng quan công ty

Thành lập vào năm 2002, Thép Nam Kim là một trong những công ty dẫn đầu trong mảng sản xuất & kinh doanh tôn mạ và ống thép (chiếm 13% thị trường tính tháng 6 năm 2021) tại Việt Nam.

Bảng cân đối kế toán

(Tỷ đồng)

Cuối T12 năm tài chính	2017	2018	2019	2020	9T21
Tài sản ngắn hạn	5,705	3,823	4,244	4,397	11,855
Tiền và tương đương tiền	508	658	778	588	1,197
Phải thu	1,107	744	876	1,437	3,520
Hàng tồn kho	4,090	2,420	2,589	2,371	7,138
Tài sản dài hạn	3,992	3,975	3,506	3,185	2,973
Đầu tư tài chính	132	443	49	58	116
Tài sản cố định	3,859	3,532	3,457	3,126	2,857
Khác	451	290	243	121	965
Tổng tài sản	10,174	8,122	8,064	7,763	15,793
Phải trả người bán và phải trả khác	1,053	723	1,953	1,577	5,953
Nợ ngắn hạn và TP đến hạn	4,503	3,201	2,388	2,520	4,383
Nợ và TP dài hạn	1,677	1,226	705	484	180
Tổng nợ và phải trả	7,234	5,150	5,047	4,582	10,516
VCSH	2,940	2,971	3,016	3,181	5,278
Vốn điều lệ	1,300	1,820	1,820	1,820	2,184
Thặng dư	766	766	766	766	786
Quỹ khác	43	71	74	18	117
LN giữ lại	830	313	356	576	2,191
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng VCSH	2,940	2,971	3,016	3,181	5,278

Bảng lưu chuyển tiền tệ

(Tỷ đồng)

Cuối T12 năm tài chính	2017	2018	2019	2020	9T21
Dòng tiền hoạt động	(1456)	2335	1180	15	(1131)
LN ròng	707	57	47	295	1773
Khấu hao và khấu trừ	319	421	441	376	284
Tăng vốn lưu động ròng	(2,507)	1,905	950	(645)	(3640)
Khác	23	(48)	(258)	(10)	452
Dòng tiền đầu tư	(1,440)	(194)	(229)	(345)	(291)
Tài sản cố định	(1,027)	(427)	156	(54)	(67)
Tăng đầu tư tài chính	(412)	232	(386)	399	(224)
Dòng tiền tài chính	2,815	(1,772)	(1,336)	(218)	1895
Tăng vốn chủ	811	0	0	(78)	340
Tăng nợ	2,138	(1,748)	(1,314)	(67)	1587
Chi trả cổ tức	(129)	(1)	0	0.0	0
Khác	(5)	(23)	(21)	(21)	(32)
Dòng tiền khác	0	(0)	0	0	0
Tăng tiền mặt	(81)	368	(385)	143	472

Kết quả kinh doanh

(Tỷ đồng)

Cuối T12 năm tài chính	2017	2018	2019	2020	9T21
Doanh thu	12,619	14,811	12,176	11,559	19,393
Giá vốn hàng bán	11,250	14,018	11,835	10,690	16,181
Lợi nhuận gộp	1,368	792	341	869	3,212
Chi phí bán hàng & QLDN	344	402	278	359	984
LN hoạt động	1,024	390	62	509	2,228
Doanh thu tài chính	115	97	107	89	94
Thu nhập lãi	3	27	30	27	
Chi phí tài chính	377	430	275	281	266
Chi phí lãi vay	267	338	237	222	176
LN khác	19	5	195	3	(7)
Lãi (lỗ) từ LD&LK	0	0	0	0	0
LN trước thuế	781	62	90	320	2,049
Thuế TNDN	74	4	42	25	276
LN sau thuế	707	57	47	295	1,773
LN ròng cho công ty mẹ	707	57	47	295	1,773
EBITDA	1,344	811	504	885	2,512

Chỉ số tài chính

Cuối T12 năm tài chính	2017	2018	2019	2020	9T21
Dữ liệu trên mỗi cp (đồng, điều chỉnh)					
EPS	5,279	315	251	1,574	9,140*
BPS	20,567	14,897	15,221	16,110	23,054*
DPS	595.2	0	0	250	0
Tăng trưởng (%)					
Doanh thu	41.2	17.4	(17.8)	(5.1)	-
LN hoạt động	28.6	(61.9)	(83.9)	709.9	-
LN ròng	36.6	(91.9)	(17.5)	524.3	-
EPS	(30.5)	(94.9)	(28.4)	543.1	-
EBITDA	39.6	(39.7)	(37.8)	75.5	-
Khả năng sinh lợi (%)					
Biên LN hoạt động	8.1	2.6	0.5	4.4	11.5
Biên LN ròng	5.6	0.4	0.4	2.6	9.1
Biên EBITDA	10.7	5.5	4.1	7.7	8.4
ROA	8.5	0.6	0.5	3.7	16.2*
ROE	31.3	1.9	1.5	9.5	46.6*
Suất sinh lợi cổ tức	2.5	0	0	1.9	0
Tỷ lệ chi trả cổ tức	11.2	0	0	15.8	0
Đòn bẩy					
Nợ ròng (Tỷ đồng)	3,981	6,086	3,965	3,016	3,869
Nợ ròng/VCSH (%)	210.1	149.0	102.5	94.4	86.4
Định giá (x)					
PE	5.9	21.9	26.8	8.9	5.4*
PB	1.6	0.4	0.4	0.8	2.0*
EV/EBITDA	7.8	6.3	6.9	5.6	5.2*

(*) Dữ liệu TTM

■ **Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**

- MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
- Nắm giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
- Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
- CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Nắm giữ hoặc Bán.

■ **Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với ngành trong 12 tháng tới**

- Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.

■ **Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

■ **Thông tin công khai quan trọng**

Ở thời điểm cuối tháng liền trước của ngày phát hành báo cáo (hoặc cuối tháng thứ 2 liền trước nếu ngày phát hành báo cáo sau ngày cuối tháng liền trước ít hơn 10 ngày), CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không nắm giữ 1% hoặc nhiều hơn cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo.

Không có mâu thuẫn lợi ích quan trọng nào giữa chuyên viên phân tích, CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam và các bên liên quan tại thời điểm phát hành báo cáo.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không quản lý hoặc đồng quản lý việc phát hành ra công chúng cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo trong vòng 12 tháng qua.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không nhận được khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong 12 tháng qua; CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không kỳ vọng hoặc tìm kiếm các khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong ba tháng tới.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không tạo lập thị trường cho cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại thời điểm phát hành báo cáo.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không nắm hơn 1% cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 24/12/2021.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam đã không cung cấp trước báo cáo này cho các bên thứ ba khác.

Cả chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này và người liên quan không sở hữu cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 24/12/2021.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam đã phát hành chứng quyền có đảm bảo với cổ phiếu Thép Nam Kim (NKG) và hiện là công ty tạo lập thị trường.

Người thực hiện: Hải Nguyễn

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2021 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.